TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/DS-PT
Ngày: 07- 5 - 2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thi

Bà Nguyễn Thị Thu Từ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2017/DS - PT ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản". Do bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2018/QĐ-PT, ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Cảnh H **(**Tên gọi khác Nguyễn Viết H). Sinh năm 1957. Có mặt.

Trú tại: Xóm 26/3, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư V, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Tổng đội Thanh niên X.

Địa chỉ: Xóm 3/2, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NguyễnVăn B - Sinh năm 1972. Chức vụ: Tổng đội trưởng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1967 (Vợ ông H). Có mặt.

Trú tại: Xóm 26/3, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cảnh H, sinh năm 1957.

- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C.

Địa chỉ: Lô 27, Khu đô thị V, Đại lộ L, TP V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Th - Chức vụ: Tổng giám đốc (Văn bản ủy quyền số 94/UQ-HĐQT ngày 17/5/2017). Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2016 và lời khai tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 15/5/2001 ông Nguyễn Cảnh H và bà Lê Thị Đ có ký hợp đồng số 29 với Tổng đội thanh niên X về việc trồng rừng mét tại Tiểu khu 975, khoảnh 1; phía Bắc giáp Sông Giăng, phía Tây giáp rừng mét a; Phía Nam giáp sông Giăng, thời hạn của hợp đồng là 20 năm. Đến năm 2013 thì Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 11/7/2013 về việc phê duyệt phương án chuyển giao Tổng đội thanh niên Xvào Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C. Trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng vào năm 2014 Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C đã chi trả tiền đền bù hoa màu là cây mét trồng trên đất tại tiểu khu 975 theo hợp đồng số 29 cho ông Nguyễn Cảnh H số tiền là 91.120.000 đồng. Căn cứ vào hợp đồng số 29 ngày 15/5/2001 thì Tổng đội thanh niên X đã thu của ông H số tiền 45.560.000đồng *(Bốn mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng)*.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp bản hợp đồng số 44 ngày 11/10/2011 được ký kết giữa ông Nguyễn Cảnh H và Tổng đội thanh niên X về việc giao khoán đất sản xuất tại khoảnh 11, tiểu khu 969 và cho rằng tại mục 4 (Điều khoản chung) của hợp đồng số 44 ngày 11/10/2011 đã quy định hợp đồng này thay thế các hợp đồng cũ trước đó, trong đó có hợp đồng số 29 ngày 15/5/2001, như vậy hợp đồng số 29 không có hiệu lực. Tổng đội căn cứ vào hợp đồng số 29 để thu 50% tiền hoa màu trên đất của ông H là không đúng. Nội dung của hợp đồng số 44 ngày 11/10/2011 không có điều khoản quy định hoa màu trên đất phải chia đôi mỗi bên được hưởng 50%.Theo quy định tại Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày12/11/2001 và Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ, thì ông Nguyễn Cảnh H được quyền hưởng toàn bộ 100% số tiền bồi thường trị giá hoa màu trên đất. Vì vậy yêu cầu Tổng đội thanh niên X trả lại số tiền 45.560.000đồng đã thu của ông Nguyễn Cảnh H.

Ý kiến của ông NguyễnVăn B người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày: Ngày 15/5/2001 Tổng đội Tổng đội thanh niên X và ông Nguyễn Cảnh H đã

ký hợp đồng số 29/HĐ-TĐ về việc trồng rừng mét theo chương trình dự án tại Tiểu khu 975, khoảnh 1. Thời hạn của hợp đồng là 20 năm. Hai bên thỏa thuận trong hợp đồng các khoản đầu tư về trồng, chăm sóc bảo vệ do Tổng đội đầu tư, từ năm thứ 3 kể từ khi trồng rừng việc bảo vệ rừng mét do ông H chịu trách nhiệm thực hiện, trong hợp đồng cũng đã thống nhất khi thực hiện thanh lý, khai thác, người nhận khoán chỉ được hưởng 50% giá trị sản phẩm hoa màu trên đất và phải nộp lại cho Tổng đội thanh niên X là 50% giá trị sản phẩm hoa màu trên đất. Năm 2013 thực hiện phương án sát nhập Tổng đội thanh niên X vào Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C theo quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 11/7/2013 của UBND tỉnh Nghệ An. Trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng vào năm 2014 Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C đã chi trả tiền đền bù hoa màu trên đất cho ông Nguyễn Cảnh H số tiền là 91.120.000 đồng *(là số tiền trồng mét)*. Tổng đội đã thu của ông Nguyễn Cảnh H số tiền là 45.560.000đồng theo như thỏa thuận đã giao kết tại hợp đồng số 29/HĐ-TĐ ngày 15/5/2001. Số tiền này đã được Tổng đội lập danh sách và lập phiếu thu nhập quỹ đúng quy định, đồng thời báo cáo xin chủ trương sử dụng số tiền này để sửa chữa các nhà Trạm bảo vệ rừng, đường giao thông tuần tra bảo vệ rừng và đã được UBND tỉnh Nghệ An chấp thuận tại Công văn số 1095/UBND -NN ngày 02/3/2015. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Cảnh H cung cấp Hợp đồng số 44 ngày 11/10/2011 được ký kết giữa Tổng đội thanh niên X với ông Nguyễn Cảnh H và cho rằng Hợp đồng số 44 đã thay thế hợp đồng số 29/HĐ-TĐ ngày 15/5/2001 là không có cơ sở.

Theo quy định tại quyết định số Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 và Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ thì bên được giao đất mới được hưởng lợi toàn bộ giá trị sản phẩm hoa màu đã trồng trên đất. Tổng đội thanh niên X là đơn vị được Nhà nước giao đất theo quyết định số 351/QĐ/UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh Nghệ An. Ông Nguyễn Cảnh H chỉ là bên được Tổng đội thanh niên X thuê trồng rừng theo hợp đồng và hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng khi thu hoạch mỗi bên được hưởng 50% giá trị lâm sản trên đất, do đó việc Tổng đội thanh niên X thu lại số tiền 45.560.000đồng là có căn cứ. Ông Nguyễn Cảnh H khởi kiện đòi lại số tiền trên thì Tổng đội thanh niên X không nhất trí.

Ý kiến ông Nguyễn Cảnh H người được bà Lê Thị Đ ủy quyền trình bày: Số tiền 45.560.000 đồng mà Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C đã chi trả tiền đền bù hoa màu là cây mét trồng trên đất tại tiểu khu 975 theo hợp đồng trồng mét số 29 ngày 15/5/2001 cho ông Nguyễn Cảnh H. Ngày 11/10/2011 ông Nguyễn Cảnh H, bà Lê Thị Đ và Tổng đội thanh niên X đã ký hợp đồng số 44 ngày 11/10/2011 về việc giao khoán đất sản xuất tại khoảnh số 1, tiểu khu 969 và hợp đồng này đã quy định hợp đồng này thay thế các hợp đồng cũ trước đó, trong đó có hợp đồng số 29 ngày 15/5/2001, như vậy hợp đồng số 29 không có hiệu lực. Tổng đội căn cứ vào

hợp đồng số 29 để thu 50% tiền hoa màu trên đất của ông H là không đúng. Nội dung của hợp đồng số 44 ngày 11/10/2011 không có điều khoản quy định hoa màu trên đất phải chia đôi mỗi bên được hưởng 50%. Theo quy định tại Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày12/11/2001và Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ, thì ông Nguyễn Cảnh H được quyền hưởng toàn bộ 100% số tiền bồi thường trị giá hoa màu trên đất. Đây là tài sản riêng của ông H vì vậy bà Lê Thị Đ yêu cầu Tổng đội thanh niên X trả lại số tiền 45.560.000đồng cho ông Nguyễn Cảnh H, bà Đ không có yêu cầu gì đối với số tiền trên.

Ý kiến Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C: Thực hiện chủ trương sát nhập Tổng đội thanh niên X vào Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C theo quyết định của UBND tỉnh Nghệ An. Vào năm 2014 Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C đã phối hợp với UBND huyện Th giải phóng mặt bằng để Tổng đội thanh niên X bàn giao đất cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C. Sau khi thỏa thuận và thống nhất phương án đền bù hoa màu trên đất thì Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C đã chi trả tiền đền bù hoa màu trên đất tại khoảnh số 1 tiểu khu 975 cho ông Nguyễn Cảnh H là hộ nhận khoán trồng mét với số tiền là 91.120.000 đồng. Theo hợp đồng số 29/HĐ-TĐ ngày 15/5/2001 ông Nguyễn Cảnh H đã nhận tiền đầy đủ và không có khiếu nại gì. Nay ông khởi kiện Tổng đội thanh niên X yêu cầu trả lại số tiền 50% mà tổng đội đã thu của ông thì do hai bên giải quyết với nhau. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C không có yêu cầu gì.

Tại bản án số 26/2017/DS-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 158, 166 Bộ luật dân sự 2015 xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh H về việc kiện đòi Tổng đội thanh niên X trả lại số tiền 45.560.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 27/8/2017, ông Nguyễn Cảnh H làm đơn kháng cáo với các nội dung: Cấp sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng dân sự đã hết hiệu lực để làm cơ sở giải quyết vụ án là không đúng. Ông H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Th, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Cảnh H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Cảnh H đề

nghị Hội đồng xét xử xem xét hợp đồng số 29 ngày 15/5/2001 đã bị thay thế bởi quyết định số 44/HĐ-TĐ ngày 11/10/2011; đề nghị xem xét tại thời điểm ký hợp đồng với ông Nhung, Tổng đội Thanh niên X tỉnh Nghệ An chưa được cơ quan có thẩm quyền giao đất. Buộc Tổng đội Thanh niên X tỉnh Nghệ An phải trả lại số tiền 45.560.000 đồng cho ông H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An công nhận quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh H, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh tại Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về tư cách pháp ý của Tổng đội Thanh niên xung phong, yêu cầu Công ty Đầu tư Phát triển C và Tổng đội làm lại thủ tục ủy quyền, xác minh tại cơ quan có thẩm quyền về địa vị pháp lý của Tổng đội, làm rõ Tổng đội có phải là tổ chức nhà nước hay không?

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt đại diện của Công ty Đầu tư phát triển C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến đương sự, đại diện Công ty Đầu tư phát triển C có đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Xét thấy, việc vắng mặt của đại diện Công ty Đầu tư phát triển C không làm ảnh hưởng đến kết quả xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh H Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Cảnh H xuất trình hợp đồng số 44/HĐ-TĐ ngày 11/10/2011 và cho rằng tại mục 4 (Điều khoản chung) của hợp đồng số 44 ngày 11/10/2011 đã quy định hợp đồng này thay thế các hợp đồng cũ trước đó, trong đó có hợp đồng số 29 ngày 15/5/2001, nên hợp đồng số 29 không có hiệu lực. Tổng đội căn cứ vào hợp đồng số 29 để thu 50% tiền hoa màu trên đất của ông H là không đúng. Nội dung của hợp đồng số 44 ngày 11/10/2011 không có điều khoản quy định hoa màu trên đất phải chia đôi mỗi bên được hưởng 50%. Theo quy định tại Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 và Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ, thì ông Nguyễn Cảnh H được quyền hưởng toàn bộ 100% số tiền bồi thường trị giá hoa màu trên đất. Ông yêu cầu Tổng đội thanh niên X trả lại số tiền 45.560.000 đồng đã thu của ông.

[3] Đối chiếu hai hợp đồng số 29/HĐ-TĐ ngày 15/5/2001 và đồng số 44/HĐ-TĐ ngày 11/10/2011 thấy rằng: Hợp đồng số 44 là hợp đồng về việc giao khoán đất sản xuất, ông H nhận khoán đất tại khoảnh 11, tiểu khu 969, còn tại hợp đồng số 29/HĐ-TĐ ngày 15/5/2001 là hợp đồng về việc trồng mét, ông H nhận khoán đất tại khoảnh 1, tiểu khu 975 và thời hạn của hợp đồng là 20 năm kể từ ngày ký hợp đồng, chưa có điều khoản nào quy định thay thế hợp đồng số 29/HĐ-TĐ ngày 15/5/2001, nên xác định hợp đồng số 29/HĐ-TĐ ngày 15/5/2001 vẫn còn hiệu lực, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của ông H.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông Nguyễn Cảnh H và bà Lê Thị Đ đều thừa nhận đất tại tiểu khu 975 ghi trong hợp đồng trồng mét số 29/HĐ-TĐ là đất rừng phòng hộ và ông H đã nhận tiền bồi thường đối với cây mét trồng trên thửa đất này. Xét lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với lời khai của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, phù hợp với các hợp đồng số 29/HĐ-TĐ ngày 15/5/2001 và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận số tiền mà Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C bồi thường cho ông Nguyễn Cảnh H là theo Hợp đồng số 29/HĐ-TĐ ngày 15/5/2001 tại khoảnh số 1, tiểu khu 975. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng số 44/HĐ-TĐ ngày 11/10/2011 thay thế hợp đồng số 29/HĐ-TĐ ngày 15/5/2001 để yêu cầu Tổng đội thanh niên X trả lại số tiền 45.560.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Ông Nguyễn Cảnh H, bà Lê Thị Đ là bên được Tổng đội thanh niên X thuê trồng rừng theo hợp đồng, nên ông H không có quyền được hưởng 100% giá trị lâm sản trên đất theo quyết định số Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 và Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

[5] Về chủ thể khi ký kết hợp đồng thì khi ký kết hợp đồng nêu trên thì Tổng đội Thanh niên đã có đủ tư cách pháp nhân để ký hợp đồng, ông H cũng đủ tư cách pháp lý ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Về bản chất của hợp đồng là khoán việc trong việc trồng cây theo đúng quy trình kỹ thuật mà bên tổng đội yêu cầu, bên nhận khoán việc phải thực hiện công việc và được hưởng thù lao theo hợp đồng, Hợp đồng không bàn giao diện tích đất mà chỉ giao khoán công việc trên diện tích đất cụ thể. Ngày 16 tháng 5 năm 2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 351/QĐ-UB.ĐC về việc công nhận quyền quản lý và sử dụng 15.068,80 ha của Tổng đội Thanh niên X Nghệ An tại huyện Th, tỉnh Nghệ An nên xác định Tổng đội Thanh niên là chủ rừng là đúng pháp luật.

[6] Mặc dù tại thời điểm ký kết hợp đồng, Tổng đội Thanh niên chưa được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quyền quản lý, sử dụng đất, nhưng việc tổ chức trồng rừng theo dự án là đúng quy định của pháp luật, nên việc Tổng đội

Thanh niên X Nghệ An ký kết hợp đồng với hộ ông H là đúng quy định và ông H cũng thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, lừa dối, các nội dung trong hợp đồng không trái pháp luật. Căn cứ vào mục 4 Điều 7 của hợp đồng số 29 ngày 15/5/2001 giữa ông Nguyễn Cảnh H, bà Lê Thị Đ và Tổng đội thanh niên X thì hai bên đã cam kết khi khai thác thì đơn vị và hộ nhận khoán tổ chức đánh giá giá trị lâm sản và được phân bổ như sau: Đơn vị (Bên A) được hưởng 50% giá trị lâm sản, hộ nhận khoán được hưởng 50% giá trị lâm sản. Sau khi ký kết hợp đồng, gia đình ông H đã tiến hành trồng lâm sản theo hợp đồng được ký kết, không có khiếu nại hay tranh chấp với ai nên hoàn toàn hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào hợp đồng đã ký gia đình ông H phải có trách nhiệm nộp lại cho Tổng đội thanh niên X số tiền 45.560.000 đồng tương đương 50% giá trị lâm sản được bồi thường là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

[7] Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng với quy định của Bộ luật dân sự. Cần giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

[8] Về các ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại Công văn số 2536 ngày 04/4/2017 của BCH Đoàn tỉnh Nghệ An và tại phiên tòa đại diện của tổng đội cung cấp như sau: Hiện nay, Tổng đội thanh niên X đang thực hiện QĐ số 2953/QĐ - UBND ngày 11/7/2013 về việc chuyển giao tổng đội vào Công ty C, tổng đội đang hoạt đồng bình thường và Ban Thường vụ tỉnh đoàn chưa ban hành quyết định giải thể, đủ căn cứ để xác định tư cách pháp lý của Tổng đội thanh niên X.

[9] Về thủ tục ủy quyền, theo quy định của pháp luật thì việc tham gia tố tụng của pháp nhân được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật. Quá trình tố tụng, người đại diện theo pháp luật của Công ty C là ông Phạm Trung Th (Chủ tịch Hội đồng quản trị) đã ủy quyền cho ông Trần Ngọc Th (Tổng Giám đốc). Người đại diện theo pháp luật của Tổng đội Thanh niên là ông NguyễnVăn B (Tổng đội trưởng) tham gia giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về áp dụng điều luật giải quyết vụ án: Các bên tiến hành giao dịch, xác lập quan hệ hợp đồng năm 2001, kết thúc hợp đồng năm 2014, năm 2016 mới khởi kiện đòi lại tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để xét xử là chưa chính xác, mà cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết, xét xử; Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[11] Về án phí: Ông Nguyễn Cảnh H có đơn xin miễn giảm án phí, ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 163, 169, 170, 233, 234, 255 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh H về việc kiện đòi Tổng đội thanh niên X trả lại số tiền 45.560.000 (Bốn mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi ngàn) đồng.

- Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Cảnh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Nguyễn Cảnh H số tiền 1.139.000 (Một triệu, một trăm ba mươi chín ngàn) đồng tiền tạm ứng phí đã nộp theo biên lai số 0001013 ngày 05/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An.

- Về án phí Dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Cảnh H không phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông Nguyễn Cảnh H số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0001971 ngày 11 tháng 9 năm 2017

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Th;
- Chi Cục THADS Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân